

VẤN ĐỀ SỬ DỤNG CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ
XÂY DỰNG ĐỘC THOẠI NỘI TÂM
TRONG *CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH* CỦA LÉP TÔNXTÔI
THE USE OF RHETORICAL MEASURES REFLECTING IN MOST FEELINGS
MONOLOGUES IN THE NOVEL *WAR AND PEACE* BY LEO TOLSTOY

DƯƠNG QUỐC CƯỜNG

(TS; Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng)

Abstract: In Russian literature, Leo Tolstoy was considered a master of unmatched and marvelous novels. He made worthy contributions to bringing Russian literature in the 19th century to the same level of the contemporary European literature. *War and Peace* was a great novel and an epic. The personalities of each character were profoundly depicted. In many respects, the writer's characters were

lively because of his special depiction of psychology in man and characters. In order to learn about the inmost feelings monologues written by Leo Tolstoy, we will analyze the issue on his use of rhetorical measures such as comparisons, contrasts and opposite meanings in the monologues of *War and Peace*.

Key words: rhetorical measures; reflecting; feelings monogues; *War and peace*.

1. Đặt vấn đề

Cùng với các nhà văn nhà thơ Nga thế kỉ XIX L. Tônxtôi với các tác phẩm *Chiến tranh và hòa bình*, *Anna Karênhina*, *Phục sinh* đã đánh dấu sự chiến thắng hoàn toàn của chủ nghĩa hiện thực phê phán. L. Tônxtôi không chỉ lừng danh trên văn đàn nước Nga mà lan rộng trên toàn thế giới. Ông đã vạch trần sự thật kinh khủng của chế độ nông nô - đó là sự sa sút về tinh thần và là hiện tượng quái thai về đạo đức của giai cấp địa chủ. Cùng với tên tuổi của Puskin, Léc-môn-tốp, Gô-gôn... L. Tônxtôi đi vào văn học Nga như là nhà sáng tạo ra các thiên tiểu thuyết hoành tráng có một không hai. Mọi nỗ lực và tài năng của ông dành cho văn xuôi thật là đáng kinh ngạc, đưa nền văn học Nga thế kỉ XIX sánh vai cùng với nền văn học Tây Âu.

Chiến tranh và hoà bình là một cuốn tiểu thuyết vĩ đại, một thiên anh hùng ca. Với tinh thần "anh hùng ca", tác giả đã kêu gọi sự đoàn kết dân tộc Nga, nhận ra những gì được coi là tính cách, bản chất của dân tộc Nga và phân biệt họ với các dân tộc khác. L. Tônxtôi muốn cho độc giả nhận thấy nguyên tắc tương phản - một trong những "nguyên tắc quan trọng nhất cấu thành hệ thống nhân vật trong *Chiến tranh và hòa bình*". Cá nhân, nhân cách của từng nhân vật trong tiểu thuyết là trung tâm của sự chú ý và được L. Tônxtôi chú ý đến chiều sâu hơn về bề ngoài. Từng nhân vật của ông sinh động nhiều mặt bởi biệt tài miêu tả con người và tâm lí nhân vật. Mỗi nhân vật là một thế giới riêng, một tâm hồn và một tính cách riêng đa dạng, độc đáo nhưng rất phức tạp. Trong tất cả các biện pháp tu từ mà L. Tônxtôi thường sử dụng trong sáng tác của mình thì việc sử dụng các biện pháp: tương phản, phản ngữ và nghịch ngữ trong độc thoại để miêu tả tâm lí nhân vật là nét cơ bản nhất trong sức mạnh sáng tác của ông. Trong tiểu thuyết này, ông đã tạo nên một nhân cách mang tính xã hội điển hình của những người quý tộc Nga sau thất bại của các chiến sĩ cách mạng Tháng Chạp chống lại Sa hoàng. Và ông cũng đã tập trung đề

cập đến những vấn đề cơ bản của thời đại lúc đó: Khát vọng tìm kiếm lí tưởng, lời kêu gọi vươn tới tự do, sự phản kháng chống lại sự áp bức.

Từ những điều đã nói ở trên có thể thấy rằng, tác phẩm *Chiến tranh và hòa bình* là rất phong phú và đồ sộ cả về nội dung cũng như về hình thức thể hiện, và để hiểu thêm "nghệ thuật xây dựng độc thoại nội tâm bậc thầy của L. Tônxtôi - người đã khai sinh ra thủ pháp mà các nhà văn thế kỉ XX sau này gọi là "dòng ý thức" [6,106], trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi phân tích một vấn đề: L. Tôn xtôi sử dụng các biện pháp tu từ: tương phản, phản ngữ và nghịch ngữ trong độc thoại dưới hai dạng: độc thoại thành lời riêng và độc thoại được dẫn trong lời người kể chuyện, như là một thủ pháp rất đặc trưng trong tác phẩm *Chiến tranh và hòa bình*.

2. Khái niệm về biện pháp tu từ, từ trái nghĩa từ vựng

2.1. Biện pháp tu từ là những cách phối hợp sử dụng trong hoạt động lời nói các phương tiện ngôn ngữ để tạo ra hiệu quả tu từ do sự tác động qua lại của các yếu tố trong một ngữ cảnh rộng [3, 61]. Căn cứ vào cấp độ ngôn ngữ của các phương tiện ngôn ngữ được phối hợp sử dụng, các biện pháp tu từ được chia ra: biện pháp tu từ từ vựng, biện pháp tu từ ngữ nghĩa, biện pháp tu từ cú pháp, biện pháp tu từ văn bản, biện pháp tu từ ngữ âm - văn tự.

Trong số các biện pháp tu từ ngữ nghĩa và biện pháp tu từ từ vựng thì biện pháp tương phản, biện pháp phản ngữ và biện pháp nghịch ngữ được L. Tônxtôi sử dụng nhiều hơn cả bởi lẽ ông muốn cho độc giả nhận thấy một "nguyên tắc quan trọng cấu thành hệ thống nhân vật trong *Chiến tranh và hòa bình* là nguyên tắc tương phản" [6,107].

Biện pháp tu từ từ vựng là những cách phối hợp sử dụng các đơn vị từ vựng trong phạm vi của một đơn vị khác thuộc bậc cao hơn (trong phạm vi của một câu, một chỉnh thể trên câu) có khả năng đem lại hiệu quả tu từ do quan hệ qua

lại giữa các đơn vị từ vựng trong ngữ cảnh [2, 142 - 143].

Còn biện pháp tu từ ngữ nghĩa là cách kết hợp có hiệu quả tu từ, theo trình tự tiếp nối của các đơn vị từ vựng thuộc một cấp độ trong phạm vi của một đơn vị khác thuộc bậc cao hơn.

2.2. Từ trái nghĩa, hay còn được gọi là những từ với những nghĩa đối lập nhau, đã trở thành đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học nói chung. Trong Nga ngữ học, mối quan tâm của các nhà nghiên cứu đối với từ trái nghĩa ngày càng tăng. Nghiên cứu từ trái nghĩa là một việc rất cần thiết trong quá trình nắm một ngôn ngữ và trong việc nâng cao trình độ văn hóa lời nói. Chúng ta có thể nghiên cứu từ trái nghĩa trong các tác phẩm văn học Nga ở nhiều bình diện khác nhau, ví dụ, các đặc điểm ngôn ngữ của chúng, bao gồm: các dạng kết nối lôgic, các nhóm từ vựng - ngữ nghĩa, mối liên hệ giữa hiện tượng từ trái nghĩa với hiện tượng từ đa nghĩa trong các từ trái nghĩa được xem xét, mối liên hệ giữa hiện tượng từ trái nghĩa với hiện tượng từ đồng nghĩa, các loại từ trái nghĩa được nghiên cứu dựa theo đặc điểm từ vựng - ngữ pháp của chúng, theo cấu trúc, hiện tượng phân cực về ý nghĩa của các từ trái nghĩa, đặc điểm ngữ nghĩa, văn phong tu từ của chúng v.v.

Có thể nói rằng, trong các định nghĩa khác nhau được một số nhà nghiên cứu Nga ngữ học đưa ra đều tồn tại những khái niệm chung mà ý nghĩa của chúng chỉ ra rằng, những từ trái nghĩa thể hiện sự đối lập trong cùng một thực thể đều có những đặc điểm chung và đồng thời có những đặc điểm riêng, khu biệt những sự vật, hiện tượng, thuộc tính nào đó, và từ trái nghĩa đưa vào trong ý nghĩa đối lập những khái niệm loại trừ lẫn nhau nhưng đồng thời lại có quan hệ tương hỗ với nhau. Xtepanop đã đưa ra định nghĩa sau: “Từ trái nghĩa là những từ đối lập nhau theo nghĩa biểu niệm” [8, 28]. Xtepanop cho rằng, ý nghĩa đối lập cần phải là ý nghĩa biểu niệm phản ánh trong ngôn ngữ sự khác nhau của các vật thể và các hiện tượng của thực tế khách quan. Định nghĩa của Xtepanop thể hiện đặc trưng có tính chất hệ thống của các từ trái nghĩa, khả năng của chúng trong việc liên kết các mối quan hệ từ vựng - ngữ nghĩa khác nhau. Sử dụng từ trái nghĩa dựa trên

sự đối lập của các khái niệm được đưa ra so sánh với nhau là một thủ pháp tu từ antiteza (antiteza - khái niệm của M. P. Lvôv - 1971).

3. Các biện pháp tu từ trong ngữ đoạn độc thoại trong *Chiến tranh và hòa bình*

Trong *Chiến tranh và hòa bình*, L. Tônxtôi đã thể hiện ý đồ nghệ thuật bằng khẳng định: “Ồ đâu mà không hiểu biết về tâm hồn con người thì ở đây không có nghệ thuật” [2,126]. Ông có khả năng khám phá được thế giới nội tâm bí ẩn, thể hiện những nét bền vững trong diện mạo, tâm lí nhân vật, nhưng phần nhiều nó biểu hiện những nét mâu thuẫn, chuyển biến. Các ngữ đoạn độc thoại nội tâm ở các nhân vật của ông không chìm đắm trong dòng chảy hỗn độn vô thức, tiềm thức, mà luôn có gắng lặn ra nhiều mối liên hệ chủ đạo của “muôn vạn kết nối”, xác định một thái độ sống, một ý thức đạo đức nhất định. Lời phân tích tâm lí, lí giải, bình luận kết hợp với lời tả và kể có tính khuynh hướng của người kể chuyện trong tác phẩm của L. Tônxtôi thường được xác định ở vị thế của một lời nói có uy tín, góp phần hướng đạo cho độc giả cùng trải nghiệm với nhân vật để đến với ý thức về một chân lí chung nhất của mọi người [6,106 - 107].

3.1. Biện pháp tu từ từ vựng thuộc kiểu tương phản

Đó là biện pháp tu từ từ vựng trong đó L.Tônxtôi sử dụng các từ ngữ trong đoạn độc thoại có điệu tính trái ngược nhau, nằm trong mối quan hệ đối chọi nhau, có khả năng làm phương tiện mô tả tâm lí nhân vật trong thế động, đầy mâu thuẫn. Ví dụ, khi Pier quyết định đi vào tôn giáo chàng tự hỏi:

“*Cái gì là xấu? Cái gì là tốt? Nên yêu cái gì? Nên ghét cái gì? Sống để làm gì? Cả ta là cái gì? Cuộc sống là gì? Cái chết là gì? Sức mạnh nào chi phối tất cả?*” [tập 3, tr. 103].

Trong đoạn độc thoại về triết lí cuộc đời trên, nhà văn sử dụng các cặp tính từ trái nghĩa, cặp danh từ trái nghĩa, cặp động từ trái nghĩa để miêu tả quá trình phát triển tính cách Pier Bedukhốp trên những nẻo đường đầy chông gai đi tìm lí tưởng về với nhân dân, sau khi chàng đoạn tuyệt với xã hội quý tộc kinh đô đáng kinh tởm.

Từ trái nghĩa được L.Tônxtôi sử dụng trong ngữ đoạn độc thoại để miêu tả nhiều tâm tí của người trong cuộc. Ví dụ:

*“Pier đỏ mặt lên vì **sung sướng** và **đau khổ**”.*

*“Câu chuyện kể **đau đớn** và **vui mừng** này như một nhu cầu thiết yếu đối với Natasa”* [tập 3, tr. 47].

Trong ví dụ trên, khi miêu tả tâm lí nhân vật Pier, nhà văn đã sử dụng chính thể tương phản, đối chọi giữa những tâm trạng và bộ mặt Pier những từ trái nghĩa đã làm nổi bật cái tính cách của Pier, làm cho độc giả phải luôn cùng tác giả theo dõi, nắm bắt tâm trạng và những trạng thái trái ngược của nhân vật Pier, đó là: Pier hồi tưởng lại sau cuộc đấu súng; tâm trạng của Pier khi gặp Natasa đầu năm 1813 và tâm trạng trái ngược trong lòng Pier sau khi Natasa kể cho chàng nghe về những ngày cuối cùng của Andrây.

Còn khi Anatôn xuất hiện ở trang trại gồm cả Lida, Maria, Buriên, L.Tônxtôi viết:

*“Trong cả ba người, năng lực tư duy, cảm xúc, quan sát đều tăng lên gấp bội và tưởng chừng như cuộc sống của họ bấy lâu vẫn **trôi qua như bóng tối**, nay bỗng dưng **bùng lên một ánh sáng** mới mẻ, đầy ý nghĩa”* [tập 3, tr. 87].

Có thể thấy, tác giả sử dụng các cặp từ trái nghĩa tài tình vừa để tăng tính biểu cảm của lời nói vừa để thể hiện tính cách những người đàn bà sống cô đơn lâu ngày không tiếp xúc với nam giới, khi tiếp xúc với đàn ông họ linh hoạt hẳn lên.

Chính trên cơ sở của sự tương phản điệu tính ngôn ngữ này L.Tônxtôi hướng cho độc giả cùng trải nghiệm với nhân vật đề đến với ý thức về một chân lí chung nhất cho mọi người. Bên cạnh những trạng thái tâm lí thông thường, quen thuộc, L.Tônxtôi nắm bắt được nhiều hiện tượng tâm lí khác thường. L.Tônxtôi có tài miêu tả niềm vui, nỗi buồn, sự chuyển hóa của các tình cảm trong con người và vai trò của tình thương, lòng vị tha. Do tài năng độc đáo của L. Tônxtôi, nên có nhiều tình huống, nhiều trạng thái tâm lí ông miêu tả nhiều lần nhưng vẫn không hề trùng lặp, đơn điệu.

3.2. Biện pháp tu từ thuộc kiểu phản ngữ

Chúng ta xem xét đoạn độc thoại sau đây:

*“Không biết bá tước có để ý về kính hải của Pier khi nhìn vào cánh tay cứng đờ này hay không, hay là trong giây lát đó có một ý nghĩ nào khác thoáng hiện lên trong cái trí óc đang chết dần của ông, chỉ thấy ông nhìn vào bàn tay không chịu tuân theo ý mình, rồi nhìn về **mặt kính hải** của Pier, rồi lại nhìn bàn tay, và trên gương mặt ông hiện lên một nụ cười yếu ớt, đau đớn, không hợp tí nào với **vẻ mặt mừng vui** của ông, tưởng chừng như có ý muốn giấu cợt sự bất lực của chính mình. Khi **trông thấy** nụ cười này, đột nhiên Pier thấy lòng ngực run bắn lên, mũi tự dưng thấy cay xè và nước mắt chảy ròng ròng **không trông thấy** những vật xung quanh nữa”* [tập 3, tr.123].

Trong đoạn độc thoại trên, L. Tônxtôi đã sử dụng biện pháp tu từ thuộc kiểu phản ngữ trong cùng một chuỗi cú đoạn những khái niệm hình ảnh ý nghĩa đối lập nhau được diễn đạt bằng những đơn vị lời nói khác nhau, nhằm mô tả tâm trạng Pier đối với bá tước Bêdukhop đang hấp hối. L. Tônxtôi thể hiện vô cùng tinh tế chuyển biến tình cảm của Pier, nêu bật bản chất của Pier nhờ thể đối lập: thân phận Pier - đứa con hoang của bá tước - chưa rõ ràng, chàng vừa du học nước ngoài suốt mười năm, bá tước là người cha mà chàng hầu như không hiểu biết; đây mới là lòng thương người, chưa phải tình cha con. Mọi nghi lễ tiếp theo, Pier đều nhất nhất làm theo sự chỉ dẫn của mẹ Bôrit, và Pier chưa hề khóc.

Hoặc trong đoạn độc thoại dưới đây, trong giây phút hấp hối, lão công tước Bônônxki mới thốt lên những lời yêu thương Maria tha thiết. Nghe cha nói Maria càng đau lòng. Đã có lúc nàng mong cha chết cho xong và bây giờ đang diễn ra tâm trạng mâu thuẫn giằng xé trong lòng nàng.

*“Không! Cha chưa chết, không thể thế được, nàng tự nhủ. Nàng **đến cạnh** giường và trấn áp nỗi khiếp sợ, áp môi lên má cha. Nhưng nàng lập tức **lùi lại** ngay. Phút chốc, tất cả tình **thương yêu**, dịu dàng của nàng đối với cha tiêu tan hết, nhường chỗ cho nỗi **khiếp sợ** trước cái vật đang ở trước mắt nàng. “Không! Cha mất rồi! Cha mất rồi và ngay đây, chỗ cha nằm lúc này là một*

cái gì lạ lùng, **thù địch**, một bí ẩn ghê ghớm làm cho người ta **khấp sợ** và xa lánh” [tập 2, tr. 212].

Không trượt theo nghi thức khuôn sáo, trong các đoạn độc thoại dưới đây L.Tônxtôi đã sử dụng phản ngữ kết hợp với sóng đôi, lặp từ vựng... đem đến cho câu văn sự nhịp nhàng, uyển chuyển, sức hấp dẫn, thuyết phục mạnh mẽ.

“**Tình yêu** là cái gì nhỉ? *Andráy nghĩ thầm. Tình yêu ngăn cản cái chết. Tình yêu là cuộc sống. Tất cả, tất cả những điều ta hiểu, sở dĩ ta ta hiểu được nó vì ta yêu. Tất cả chỉ có, chỉ tồn tại vì ta yêu, và chết đi nghĩa là một phần nhỏ của tình yêu, trở về với nguồn cộng đồng vĩnh cửu của mọi vật*” [tập 4, tr. 99].

“Trong thâm tâm chàng, dường như có ý **chê trách** nàng, sao lại quá hoàn hảo như vậy, sao lại không có chỗ nào có thể **chê trách** được. Ở nàng có đủ những cái để người ta **quý trọng**, nhưng ít có những cái khiến chàng phải **yêu**, và chàng cảm thấy mình **quý trọng** nàng bao nhiêu thì chàng lại càng ít **yêu** nàng bấy nhiêu” [tập 2, tr. 93].

“Khuôn mặt **tuần tú**, **xắc xược** và **rất chăm biếm** đúng như trong bữa tiệc, rồi cũng bộ mặt ấy nhưng **tái mét, run rẩy** và **đau đớn**, đúng như Đolôkhốp ngoảnh lại và ngã sấp xuống tuyết” [tập 3, tr. 147].

Đây là một thủ pháp thể hiện nội tâm mâu thuẫn bên trong tâm hồn nhân vật. Tiếng nói bên trong tâm hồn nhân vật là ý nghĩ thầm kín, là lời tự nhủ thầm kín hoặc tự nói to lên với mình. Bằng thủ pháp đặc sắc để bộc lộ đời sống tinh thần của nhân vật, làm hiện rõ con người bên trong của nó, đó chính là phương pháp sáng tác và bản sắc riêng của L.Tônxtôi ghi lại tâm trạng phức tạp đầy mâu thuẫn của nhân vật.

3.3. Biện pháp tu từ thuộc kiểu nghịch ngữ

Đối với L.Tônxtôi độc thoại nội tâm không phải là thủ pháp đơn giản để phản ánh “tính biện chứng tâm hồn”, chính đối với L.Tônxtôi thì độc thoại nội tâm lại là mục đích [4. 142]. Để cho nhân vật của mình hiện ra trước mắt người đọc một cách sống động với trạng thái tương phản nhau của tâm lý lứa tuổi, tâm lý giới và tâm lý của các giai tầng khác nhau trong xã hội Nga đương thời, L. Tônxtôi còn sử dụng biện pháp tu từ kiểu

nghịch ngữ để tạo ra một sự khẳng định rất tự nhiên, thuận lí, biện chứng.

Ví dụ, khi miêu tả tình mẫu tử sâu nặng khiến bá tước phu nhân lúc nào cũng tưởng như chàng sĩ quan kỵ binh Nicôlai hãy còn thơ dại, ông đã sử dụng biện pháp tu từ thuộc kiểu nghịch ngữ mô tả sự đối lập trong trí tưởng tượng trong đầu bá tước phu nhân về con người Nicôlai:

“Hai mươi năm trước đây phu nhân khó mà tin rằng **cái sinh vật nhỏ bé** đang sống đâu ở phía dưới trái tim mình lại có thể có ngày khóc oa oa lên và bập vào vú mình, rồi lại có ngày bắt đầu biết nói thì bây giờ cũng vậy, phu nhân cũng khó tin rằng cái sinh vật ấy lại có thể là **một đàn ông cường tráng, can đảm, một đứa con và một người gương mẫu**” [tập 4, tr. 63].

Khi nhận xét về lão công tước Bônconxki hồi cuối năm 1811, L.Tônxtôi đã sử dụng biện pháp tu từ thuộc kiểu nghịch ngữ trong đoạn độc thoại để miêu tả rất kĩ diễn biến tâm lý ở tuổi già.

“Ông bắt đầu có **những dấu hiệu rõ rệt của tuổi già**, có những khi ông đột nhiên buồn ngủ, ông thường quên những việc vừa **mới xảy ra**, nhưng lại nhớ rất kĩ những việc **xảy ra từ lâu**, và ông có **một lối hiểu danh của trẻ con** khi nhận đứng đầu phái đối lập ở Matxcova” [tập 3, tr. 69].

Để thể hiện diễn biến tâm lý của một vị tướng già đồng thời nhằm để nhấn mạnh vai trò cũng như tầm nhìn xa của Kutudốp và đường lối chiến lược của ông trong cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại năm 1812 chống đội quân xâm lược Napôlêông, L. Tônxtôi sử dụng nghịch ngữ gợi liên tưởng đến những hình tượng nhân vật, sự kiện hiện tượng phức tạp: có những nét mâu thuẫn mà thống nhất biện chứng, có giá trị tu từ nổi bật.

“Chỉ có một mình Kutudốp bày tỏ một cách công khai ý kiến của mình rằng cuộc chiến tranh mới **không thể cải thiện** tình hình và **nâng cao thêm** vinh quang của nước Nga mà chỉ có thể **làm xấu đi** tình hình và **làm giảm đi** cái mức độ vinh quang, mà theo ông, nước Nga đang có hiện nay” [tập 4, tr. 26].

Có thể khẳng định rằng Kutudốp hiểu và nhận thức rõ rệt hơn những người cùng thời với ông cái tình thế nguy hiểm đang treo lơ lửng trên

dầu nhân dân và Tổ quốc ông. Gánh về phần mình toàn bộ gánh nặng của trách nhiệm cứu nguy đất nước, ông với tư cách là một nhà chiến lược, nhà chiến thuật quân sự vĩ đại và đồng thời là một công dân Nga giản dị, bình thường, trong lúc tiếp tục cuộc chiến đấu của mình đã phân tích ý nghĩa của cuộc chiến tranh và sự nguy hiểm của nó đối với nước Nga.

Cái chết luôn là nỗi băn khoăn trong toàn bộ tác phẩm của L. Tônxtôi. Đối với L. Tônxtôi, cái chết là một hiện tượng huyền bí mà ông phải khám phá suốt đời. Bá tước Rôxtôp qua đời, những người đến viếng đều nói như để tự thanh minh cho mình trước một người khác:

“Phải, muốn nói gì thì nói chứ ông ta vẫn là một người hết sức quý giá, thời buổi này chẳng còn ai được như thế,... và chẳng, ai mà chẳng có nhược điểm” [tập 2, tr. 93].

Bằng việc sử dụng biện pháp tu từ nghịch ngữ trong đoạn độc thoại này L. Tônxtôi đã làm nổi bật khía cạnh tâm lí của cái chết và thể hiện sự dôi theo những phản ứng gieo vào lòng người. Và cũng chính bằng biện pháp tu từ này nhà văn giúp chúng ta thấy rằng những người đến viếng bá tước Rôxtôp đều có một cảm giác hồi hận và tủi lòng như nhau.

4. Kết luận

Như vậy có thể thấy, L. Tônxtôi miêu tả “con người như dòng sông”. Vận động ý thức của các nhân vật trong *Chiến tranh và hòa bình* mỗi người một vẻ, nhưng bao giờ cũng thể hiện hướng đi tuân theo quy luật chung. Sự đối lập các nét tính cách đối với các nhân vật trung tâm trong *Chiến tranh và hòa bình*,

mà đại văn hào L. Tônxtôi sử dụng các biện pháp tu từ để miêu tả trong ngữ đoạn độc thoại, chỉ là tương đối, nhất thời và có thể chuyển hóa vào nhau một cách “biện chứng”, chúng liên kết với nhau làm nên “sự trôi chảy của con người”, tạo tiền đề cho “sự hòa đồng của thế giới con người”. Và nghệ thuật dùng các biện pháp tu từ của L. Tônxtôi đã đạt đến đỉnh cao mà một trong những biểu hiện của đỉnh cao đó là việc sử dụng các từ trái nghĩa trong ngữ đoạn độc thoại trong tiểu thuyết bất hủ *Chiến tranh và hòa bình*. Về phương diện chức năng tu từ, từ trái nghĩa trong tác phẩm *Chiến tranh và hòa bình* đã được sử dụng trong độc thoại như một phương tiện tu từ tích cực, có hiệu quả cao, nhằm thể hiện các khái niệm tương phản về các sự vật hiện tượng của thực tế khách quan, và nhờ đó, chúng làm cho lời văn trở nên sinh động hơn, biểu cảm hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hải Hà (2006), *Thi pháp tiểu thuyết L. Tônxtôi*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Đinh Trọng Lạc (1995), *99 Phương tiện và Biện pháp tu từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Đinh Trọng Lạc (Chủ biên), Nguyễn Thái Hòa (2002), *Phong cách học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

Dẫn liệu:

L. Tônxtôi (1976), *Chiến tranh và hòa bình* (4 tập), Dịch giả: Cao Xuân Hạo, Nhữ Thành, Hoàng Thiếu Sơn, NXB Văn học, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 07-04-2014)